

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 56/2018/DS-PT

Ngày: 29/11/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Minh Tân**

Ông **Lại Anh Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng dân sự.

Do bản án dân sự phúc thẩm số 12/2015/DS-PT ngày 21/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị hủy.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thân Thanh T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Lô 45-186, số nhà 271 phố V khu 10 phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đào Văn D**, sinh năm 1959 là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ngày 12/11/2018.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Lê Ngọc M** – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư S, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Bùi Trung Q**, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Đội 3 thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố H.

Địa chỉ: Số 106 phố Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Tiến K** – Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn N** – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H theo văn bản ngày 27/8/2018.

- Văn phòng công chứng Đ.

Địa chỉ: Số 38 phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh Tuấn** - Giám đốc Văn phòng.

- Ngân hàng B.

Địa chỉ: Số 05 đường Q, phường Y, thành phố H, tỉnh Hải Dương nay chuyển đến số 76-78-80 phố Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức G** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Quang I** – Giám đốc Ngân hàng B chi nhánh Đ (theo quyết định ủy quyền số 906/QĐ-B ngày 25/11/2018 kèm phụ lục).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trung: Ông **Nguyễn Ngọc E**, sinh năm 1977 – Phó Giám đốc Ngân hàng B chi nhánh Đ; ông **Vũ Đức C**, sinh năm 1978 – Phó Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng B chi nhánh Đ; bà **Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1978 – Giám đốc Phòng giao dịch R Ngân hàng B chi nhánh Đ (theo giấy ủy quyền số 1180/B-UQ ngày 29/11/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Trọng Q** – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Công ty N).

Địa chỉ: Số 42 phố L, phường S, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Tiến X** - Giám đốc công ty.

- Anh **Bùi Trung A**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Lô 45-186, số nhà 271 phố V khu 10 phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo: **Văn phòng công chứng Đ; Ngân hàng B; Công ty trách nhiệm hữu hạn N** – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 23/2014/DS-ST ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị T trình bày: chị và anh Bùi Trung A có quan hệ vợ chồng. Năm 2009 vợ chồng đã mua mảnh đất 67,59m² tại thửa đất số 45 tờ bản đồ số QH-05 (nay là thửa 45. 186 tờ bản đồ số QH- 05) khu đô thị phía tây phường B. Ngày 02/10/2009 vợ chồng chị được UBND thành phố H cấp GCNQSD đất số AG357040 vào sổ cấp GCN số H- 02829, sau đó vợ chồng chị đã xây dựng ngôi nhà 5 tầng trên thửa đất này. Năm 2011 anh A bàn với chị do thành lập công ty và cần vay thêm vốn làm ăn, đề phòng việc thua lỗ sẽ bị thu nhà đất nên vợ chồng làm thủ tục tặng cho nhà đất cho ông Bùi Trung Q, là bố

để anh A và là bố chồng chị để ông Q giữ hộ. Tuy nhiên sau khi làm thủ tục tặng cho và ông Q được cấp GCNQSD đất, sở hữu nhà thì anh A có đơn xin ly hôn chị đồng thời xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Vì vậy, chị T khởi kiện buộc ông Q phải trả lại nhà đất cho vợ chồng chị với lý do bị lừa dối khi giao kết hợp đồng, hơn nữa chị và anh A mới có GCNQSD đất, chưa có GCN quyền sở hữu nhà nhưng trong hợp đồng lại xác định là tặng cho cả nhà đất nên vi phạm điểm a khoản 1 điều 91, khoản 1 điều 22 Luật nhà ở; khoản 1 điều 8 Nghị định số 88/NĐ- CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

Ngày 28/3/2014 và ngày 06/8/2014 chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa chị Thân Thanh T, anh Bùi Trung A với ông Bùi Trung Q ngày 02/7/2011 vô hiệu theo điều 128, điều 132, điều 410 BLDS và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo điều 137, điều 410 BLDS. Đồng thời đề nghị Tòa án kiến nghị UBND thành phố H thu hồi GCN quyền sử dụng đất và sở hữu nhà đã cấp cho ông Bùi Trung Q để trả lại nhà đất cho chị và anh A.

Ngày 18/12/2014, người đại diện theo ủy quyền của chị T đề nghị HĐXX tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Trung Q và Ngân hàng B vô hiệu.

Bị đơn ông Bùi Trung Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn anh Bùi Trung A trình bày: Việc các bên ký kết Hợp đồng cho tặng ngày 02/7/2011 hoàn toàn tự nguyện, chị T không bị lừa dối. Mục đích của hợp đồng tặng cho là do vợ chồng anh A chị T đang nợ nhiều nên không thể vay mượn được tiền thêm nữa, ông Q nhận nhà đất tặng cho nhưng phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 2,7 tỷ đồng của vợ chồng anh A chị T. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, ông Q đã thế chấp cho Ngân hàng B để bảo đảm cho công ty N (công ty nơi anh A làm việc) vay số tiền 1,5 tỷ đồng. Thực chất số tiền này anh A vay nhưng đứng tên công ty. Vì vậy, đề nghị xác định hợp đồng tặng cho tài sản ngày 02/7/2011 là đúng quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Văn phòng công chứng Đ: Ngày 02/7/2011 ông Q, anh A, chị T đã tự nguyện đến và yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho tài sản, việc các bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện. Văn phòng công chứng chứng nhận hợp đồng công chứng số 084, quyển số 04-2011/TP/CC- SCC/HĐGD là đúng các quy định của pháp luật hiện hành nên không đồng ý với yêu cầu của chị T. Việc thay vì yêu cầu bên tặng cho đăng ký bổ sung quyền sở hữu nhà ở vào GCNQSD đất trước khi làm thủ tục tặng cho theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 91 Luật nhà ở năm 2005 là để đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Quyết định 2470/QĐ-

UBND ngày 16/9/2009 của UBND tỉnh Hải Dương về thực hiện đề án 30 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngân hàng B: Ngân hàng B với công ty N ký hợp đồng tín dụng cho khoản vay 1,5 tỷ đồng. Để bảo đảm cho khoản vay này ông Bùi Trung Q, công ty N và Ngân hàng B đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số NC.0063.12/HDDTC3 ngày 25/10/2012. Ngân hàng xác định hợp đồng thế chấp này đúng quy định của pháp luật, có hiệu lực thi hành. Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu. Nếu Tòa án tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, cụ thể buộc công ty N trả toàn bộ số nợ gốc 1.391.330.000đ và lãi phát sinh từ ngày 25/10/2014 đến thời điểm xét xử, nếu công ty N không trả được thì yêu cầu ông Q phải có trách nhiệm trả thay, nếu ông Q không trả được thì UBND thành phố H và Văn phòng công chứng Đ phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Ngân hàng B.

Công ty N: Anh A là nhân viên công ty đã sử dụng số tiền 1,5 tỷ đồng của công ty vào mục đích cá nhân. Do vậy hai bên đã thỏa thuận công ty đứng ra vay Ngân hàng B số tiền 1,5 tỷ đồng để bù lại số tiền anh A đã sử dụng nhưng ông Q phải thế chấp nhà đất để bảo đảm cho khoản vay này. Công ty xác định không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T. Hợp đồng tín dụng giữa công ty N với Ngân hàng B là một quan hệ khác theo hợp đồng và chưa đến hạn nên Ngân hàng không có quyền yêu cầu thanh toán trả nợ trong vụ án này. Công ty có trách nhiệm đối với khoản nợ này không phụ thuộc vào việc hợp đồng thế chấp có được thực hiện hay không.

UBND thành phố H: Căn cứ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/7/2011 giữa anh Bùi Trung Thanh và chị Thân Thanh T cho ông Bùi Trung Q đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, UBND thành phố H đã cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00411. Ngày 08/7/2011 ông Bùi Trung Q là người có quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản được cấp. UBND thành phố H không chấp nhận yêu cầu của chị T đề nghị hủy giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00411 ngày 08/7/2011.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2014/DS-ST ngày 18/12/2014, TAND thành phố H quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, tuyên bố hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa chị T, anh A, ông Q và hợp đồng thế chấp giữa ông Q và Ngân hàng B vô hiệu; hủy GCNQSDĐ của ông Q; buộc ông Q trả cho anh A và chị T nhà

đất tại khu đô thị phía tây C, phường B, thành phố H. Ngoài ra TAND thành phố H quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2014, 31/12/2014, 05/01/2015, Ngân hàng B, Văn phòng công chứng Đ, công ty N lần lượt kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại bản án phúc thẩm số 12/2015/DS-PT ngày 21/4/2015, TAND tỉnh Hải Dương quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng B, Văn phòng công chứng Đ, công ty N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra TAND tỉnh Hải Dương còn quyết định về án phí dân sự phúc thẩm.

Ngày 18/10/2017, Ngân hàng B có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngày 19/12/2017, Chánh án TAND cấp cao tại Hà Nội có quyết định kháng nghị số 78/2017/KN-DS đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 28/2018/DS-GĐT ngày 21/5/2018, Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội quyết định: Hủy bản án phúc thẩm số 12/2015/DS-PT ngày 21/4/2015, giao hồ sơ cho TAND tỉnh Hải Dương xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm xét xử lại vụ án:

- Người kháng cáo gồm Văn phòng công chứng Đ và Công ty N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ông Q và anh A không có kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa, ông Q và anh A có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Ngân hàng B gồm ông E, ông C, bà H và luật sư Q có mặt, đều xác định Ngân hàng B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của chị T, công nhận hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Q và Ngân hàng B là hợp pháp.

- Chị T vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của chị T là ông D và luật sư M có mặt, xác định hợp đồng tặng cho giữa chị T, anh A và ông Q vi phạm điều cấm của pháp luật do chị T bị lừa dối nên đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự đều không bổ sung thêm yêu cầu khác và không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng B, Văn phòng Công chứng Đ, Công ty N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, công nhận hợp đồng tặng cho tài sản giữa chị T, anh A, ông Q; hợp đồng thế chấp tài sản giữ ông Q và Ngân hàng B; GCNQSDĐ và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất của ông Q là hợp pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Kháng cáo của Văn phòng công chứng Đ; Ngân hàng B; Công ty trách nhiệm hữu hạn N trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa, Văn phòng công chứng Đ và Công ty N có kháng cáo nhưng vắng mặt; chị T, ông Q, anh A có liên quan đến việc kháng cáo nhưng vắng mặt. Những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện tham gia phiên tòa nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 296 BLTTDS.

[2] Anh A và chị T có tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với 67,59m² tại thửa số 45, tờ bản đồ số QH-05 (nay là thửa 45.186, tờ bản đồ số QH-05) tại khu đô thị phía Tây, phường B, thành phố H. Anh A và chị T đã được UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ số AG 357040 ngày 02/10/2009 đối với thửa đất trên. Sau đó anh A, chị T xây nhà 05 tầng trên đất. Năm 2011 anh A, chị T tặng cho ông Q nhà đất nêu trên, việc tặng cho có lập thành hợp đồng ngày 02/6/2011 tại Văn phòng công chứng Đ. Tại Điều 1 của hợp đồng nêu chi tiết và mô tả tài sản tặng cho gồm quyền sử dụng 67,5m² đã được cấp GCNQSDĐ và ngôi nhà trên đất tuy chưa được cấp quyền sở hữu nhưng các bên đã tiến hành đo vẽ bổ sung hiện trạng, lập trích lục tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Sau đó ông Q đã đăng ký và được cấp GCNQSDĐ cùng quyền sở hữu nhà gắn liền với đất nên hợp đồng tặng cho là hợp pháp theo quy định tại Điều 467 BLDS 2005.

[3] Theo giấy nhận nợ ngày 10/7/2010 thì anh A có vay của anh S 1,2 tỷ đồng để làm nhà, ông Q nhận thay anh A số nợ này và anh S cũng đồng ý. Căn cứ vào các phiếu chi số 12, 15, 20 tháng 02, 03/2012 thì công ty N chi cho anh A 1,5 tỷ đồng, anh A thừa nhận số tiền này đã trang trải nợ làm nhà. Ngày 25/10/2012, ông Q đã dùng toàn bộ nhà đất tại thửa 45.186 để đảm bảo khoản vay 1,5 tỷ đồng của công ty N (thực chất là anh A vay đứng tên công ty). Như vậy việc anh A, chị T tặng cho ông Q nhà đất không phải nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ khi làm ăn thua lỗ nên cần công nhận hợp đồng tặng cho

tài sản giữa anh A, chị T và ông Q; hợp đồng thế chấp giữa ông Q và Ngân hàng B; GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho ông Q là hợp pháp.

[4] Từ những phân tích trên thì thấy chị T trình bày việc tặng cho ông Q nhà đất chỉ là để ông Q giữ hộ để phòng vợ chồng chị làm ăn thua lỗ nhưng thực tế việc tặng cho đã lập thành hợp đồng hợp pháp, sau khi nhận nhà đất ông Q đã nhận số nợ 2,7 tỷ đồng của vợ chồng anh A, chị T. Do đó căn cứ chị T đưa ra không có cơ sở chấp nhận, ngoài ra chị T không cung cấp thêm được các chứng cứ khác.

Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng B, Văn phòng công chứng Đ và Công ty N, sửa bản án sơ thẩm.

[5] **Về án phí:** Do sửa bản án sơ thẩm nên Ngân hàng B, Văn phòng công chứng Đ và Công ty N, HĐXX xác định lại nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 BLTTDS 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận kháng cáo của Văn phòng Công chứng Đ, Ngân hàng B, Công ty trách nhiệm hữu hạn N; sửa bản án sơ thẩm số 23/2014/DSST ngày 18/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Áp dụng: khoản 3 điều 25, điều 32a BLTTDS 2004; điều 122, điều 467 BLDS 2005; khoản 2 Điều 93, Điều 107 Luật nhà ở 2005; khoản 7 điều 63 Nghị định 71/2010/NĐ- CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thanh T:

- Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa chị Thân Thanh T, anh Bùi Trung A với ông Bùi Trung Q, do Văn phòng Công chứng Đ công chứng ngày 02/7/2011, vào sổ công chứng số 084, quyển số 04-2011 TP/CC-SCC/HĐGD có hiệu lực pháp luật;

- Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Bùi Trung Q với Ngân hàng B số NC 0063.12/HĐTC3 do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 25/10/2012, vào sổ công chứng số 114, quyển số 05-2002 TP/CC-SCC/HĐGD có hiệu lực pháp luật;

- Tuyên bố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 297119, vào sổ số CH-00411 do UBND thành phố H cấp cho ông Bùi Trung Q ngày 08/7/2011 có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị Thân Thanh T phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với 200.000đ chị T đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số AA/2011/10400 ngày 17/7/2013, chị T đã nộp đủ.

- Án phí phúc thẩm: Văn phòng Công chứng Đ, Ngân hàng B, Công ty trách nhiệm hữu hạn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả Văn phòng Công chứng Đ, Ngân hàng B, Công ty trách nhiệm hữu hạn N mỗi người liên quan 200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H lần lượt theo biên lai số AB/2014/002087 ngày 05/01/2015; AB/2014/002085 ngày 05/01/2015; AB/2014/002096 ngày 08/01/2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 28/11/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố H;
- THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân

Nguyễn Minh Tân

Bùi Đăng Huy